

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-ST
Ngày: 30 - 11 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Minh.

Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2021/TLST - DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021; Thông báo số 1395/TB-TA ngày 19/7/2021, thông báo số 1477/TB-TA ngày 19/8/2021, thông báo số 1578/TB-TA ngày 27/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 853/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 20, ấp M, xã P, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Ngọc D, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 28, Khu 2, ấp H, xã P, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2021, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông và bà Hồ Thị Ngọc D có quen biết nhau.

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 bà D có vay của ông 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Vì sự quen biết và tin tưởng bà D nên ông cho bà D vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) mà không làm bất cứ văn bản, giấy tờ gì thể hiện. Khi nhận tiền, bà D có hẹn với ông là vài tháng sẽ trả lại tiền cho ông nhưng sau một thời gian dài vẫn không thấy bà D trả lại tiền. Ngày 25/12/2018, ông yêu cầu bà D trả lại cho ông số tiền đã vay thì bà D cam kết mỗi tháng sẽ trả cho ông 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho đến khi hết số tiền đã vay của ông, thời gian tính từ ngày 25/12/2018. Nhưng sau đó vẫn không thấy bà D trả tiền cho ông như đã cam kết, ông nhiều lần đến nhà tìm bà D nhưng bà D lánh mặt ông và kể từ lúc cam kết với ông đến nay bà D vẫn không trả cho ông đồng nào.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị Ngọc D trả lại cho ông số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) mà bà D đã vay của ông. Không yêu cầu tính lãi suất.

Bà D cho rằng mỗi tháng trả tiền lãi cho ông 20.000.000 đồng, được 07 tháng là không đúng. Bà D có trả lãi cho tôi 02 tháng là 40.000.000 đồng thì ngưng không trả lãi nữa cho đến nay nên ông không yêu cầu bà D trả lãi nữa.

Ông chỉ nhận của bà D là 40.000.000 đồng, còn ngoài ra không nhận khoản tiền lãi nào khác. ông cũng không biết cậu Hoàng là ai.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2021, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông N không có họ hàng gì, bà và ông N có quan hệ tình cảm với nhau.

Năm 2018 bà có vay của ông Nguyễn Văn N số tiền nợ 200.000.000 đồng, mỗi tháng bà trả lãi cho ông Nguyễn Văn N là 20.000.000 đồng, bà trả được 07 tháng là 140.000.000 đồng, không giấy tờ gì về việc trả lãi; bà có đưa cho cậu Hoàng trả lãi cho ông N 43.000.000 đồng, bà cũng không biết họ tên cậu Hoàng, bà nghe cậu Hoàng ở ấp Xóm Gò-Bà Ký. Từ năm 2019 bà ngưng không trả lãi cho ông N vì lãi suất quá cao. Tổng cộng bà đã trả lãi cho ông N là 183.600.000 đồng.

Nay ông N yêu cầu bà trả nợ gốc 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi; bà sẽ trả số tiền còn lại 16.400.0000 đồng.

3. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N buộc bị đơn bà D phải trả cho nguyên đơn ông N số tiền nợ 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Về án phí : Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của Nghị định 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Hồ Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 25 tháng 6 năm 2017 bà D có vay của ông N 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), không làm giấy vay nợ; khi nhận tiền, bà D có hẹn với ông N là vài tháng sẽ trả lại tiền cho ông N nhưng sau một thời gian dài vẫn không thấy bà D trả lại tiền. Ngày 25/12/2018, ông N yêu cầu bà D trả số tiền đã vay thì bà D cam kết mỗi tháng sẽ trả cho ông 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nhưng bà D không thực hiện nên ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị Ngọc D trả lại cho ông N số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

[2.2] Bị đơn bà D thừa nhận có vay của ông N 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) là có thật nhưng vào năm 2018 nhưng phía ông N không đưa ra được chứng cứ bà D vay tiền vào ngày 25/6/2017. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu.....mà đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, việc bà D vay tiền của ông N vào năm 2018 là có căn cứ; bà D không đồng ý trả cho ông N 200.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho ông N là 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

[2.3] Về lãi suất: Bà D khai mỗi tháng trả lãi cho ông N số tiền là 20.000.000 đồng với số tiền 20.000.000 đồng x 7 tháng = 140.000.000 đồng và có đưa cho cậu Hoàng trả lãi cho ông N là 43.600.000 đồng; phía nguyên đơn ông N chỉ thừa nhận số tiền lãi 40.000.000 đồng = 20.000.000 đồng x 02 tháng nhưng bà D không cung cấp chứng minh việc đã trả lãi cho ông N là 183.600.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận*

không được vượt quá 20%/năm của khoản vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... ”. Như vậy, nếu tính tiền lãi theo quy định pháp luật thì bà D vay tiền của ông N đến ngày xét xử sơ thẩm là 45 tháng x 200.000.000 đồng x 1,67%/ tháng = 144.000.000 đồng nhiều hơn số tiền 40.000.000 đồng ông N nhận tiền lãi từ bà D là có lợi cho bà D nên không cần điều chỉnh, hơn nữa các đương sự không ai tranh chấp lãi suất trên.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với bà Hồ Thị Ngọc D.

Buộc bà Hồ Thị Ngọc D phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn N số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

[2.4] Về lãi suất : Không xem xét.

[2.5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của ông Nguyễn Văn N được chấp nhận nên bà Hồ Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự là: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N theo biên lai thu số 0005496 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với bà Hồ Thị Ngọc D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Hồ Thị Ngọc D phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn N số tiền nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự là: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn N theo biên lai thu số 0005496 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Hồ Thị Ngọc D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Long Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Văn phòng, Thẩm phán (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Công Minh – Phạm Văn Huynh

Dương Tấn Hưng